

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm gần 57 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,591.17 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Truyền thông giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Dầu khí, Hàng & dịch vụ công nghiệp,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên hai sàn HSX, UPCOM và mua ròng trên sàn HNX. Thanh khoản khiêm tốn cho thấy tâm lý thị trường còn mâu thuẫn; nhà đầu tư chú ý ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của VN-Index là ngưỡng quanh 1,535 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 23/03/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-56.64** điểm, đóng cửa tại **1591.17** điểm. HNX-Index **-5.92** điểm, đóng cửa tại **237.54** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCX (+1.03)**, **VNM (+0.37)**, **NAB (+0.16)**, **SAB (+0.09)**, **DCM (+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-14.91)**, **MCH (-2.52)**, **BSR (-2.00)**, **BID (-1.95)**, **CTG (-1.82)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **26,126** tỷ đồng, giảm **-3.89%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 29,315 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 49.83 điểm. Thị trường có **33** mã tăng, 26 mã tham chiếu, **317** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-505.06** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (-420.91 tỷ)**, **HDB (-337.34 tỷ)**, **VHM (-184.84 tỷ)**, **VIC (-154.88 tỷ)**, **STB (-105.01 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **86.95** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-3.53%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - DCM (+1.61%)** ([Link báo cáo](#))
 - VNM (+1.33%)** ([Link báo cáo](#))
 - PVS (+1.25%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-3.93%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - NAB (+3.31%)** ([Link báo cáo](#))
 - FRT (+0.94%)** ([Link báo cáo](#))
 - SAB (+0.70%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-3.53%	-3.93%	-3.44%	-3.17%
1 tuần	-6.95%	-6.18%	-6.03%	-6.04%
1 tháng	-13.54%	-12.78%	-12.77%	-13.75%
3 tháng	-6.87%	-5.21%	-10.21%	-13.50%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,591.17	237.54	121.32
% 1D	-3.44%	-2.43%	-1.96%
GTKL (tỷ VND)	26,126	1,490	630
%1D	-3.89%	5.08%	-18.42%
GDNN (tỷ VND)	-505.06	86.95	-5.31

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	204.04	MWG	-420.91
VNM	151.83	HDB	-337.34
VCK	123.87	VHM	-184.84
FPT	111.83	VIC	-154.88
TCX	93.11	STB	-105.01

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

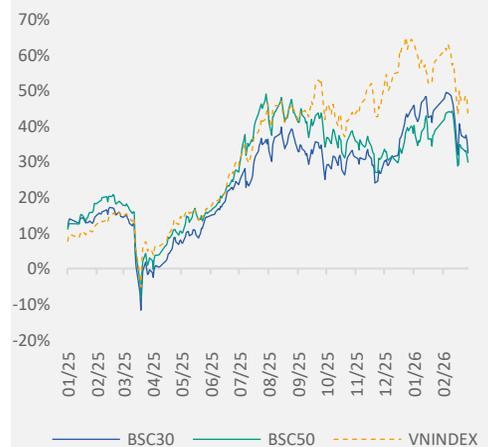
		%D	%W
SPX	6,506	-1.51%	-1.90%
FTSE100	9,756	-1.64%	-5.45%
Eurostoxx	5,413	-1.88%	-6.02%
Shanghai	3,813	-3.63%	-6.65%
Nikkei	51,515	-3.48%	-4.48%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	113.19	0.89%
Giá vàng	4,285	-4.60%
Tỷ giá		
USD/VND	26,344	0.02%
EUR/VND	31,179	-0.13%
JPY/VND	169	-0.59%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.3%	
LS LNH 1M	7.2%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCX	50.80	3.99%	1.03	3.89
VNM	60.80	1.33%	0.37	5.92
NAB	12.50	3.31%	0.16	2.31
SAB	42.90	0.70%	0.09	0.79
DCM	44.30	1.61%	0.08	6.44

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	40.50	1.25%	0.15	6.55
PIC	18.50	5.71%	0.02	0.00
PVC	17.40	2.35%	0.02	2.34
BCF	41.80	1.95%	0.02	0.00
AAV	6.40	6.67%	0.02	1.35

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HID	4.62	6.94%	0.01	0.51
SRC	56.00	6.67%	0.02	0.03
TCO	12.15	6.58%	0.01	1.37
SHA	3.92	5.38%	0.00	1.55
FUEFCV50	15.18	5.05%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DS3	5.60	9.80%	0.02	0.00
V12	10.60	9.28%	0.04	0.00
MEL	7.40	8.82%	0.04	0.00
KSD	4.20	7.69%	0.02	0.00
AAV	6.40	6.67%	0.12	1.35

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	125.60	-6.96%	-14.91	4.72
MCH	145.60	-6.06%	-2.52	0.49
BSR	26.10	-6.95%	-2.00	25.20
BID	38.45	-3.27%	-1.95	10.65
CTG	32.50	-3.27%	-1.82	13.26

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

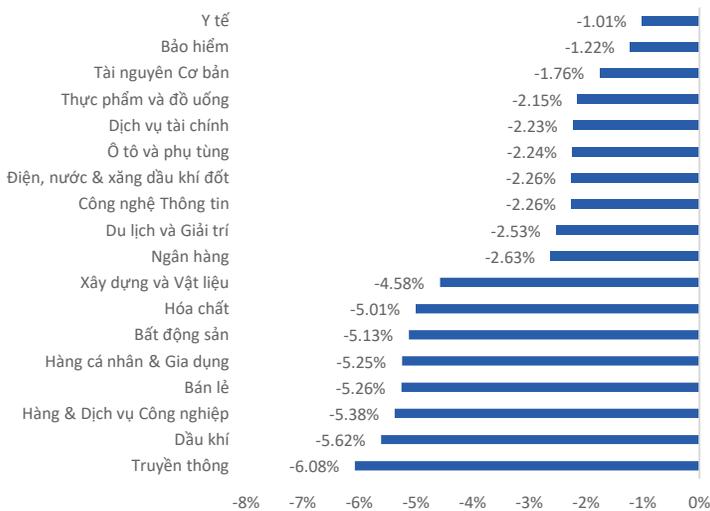
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	132.30	-10.00%	-1.53	0.08
SHS	14.80	-7.50%	-0.58	19.08
MBS	22.10	-6.36%	-0.54	5.96
NVB	10.30	-4.63%	-0.53	0.14
CEO	14.30	-5.92%	-0.28	13.86

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

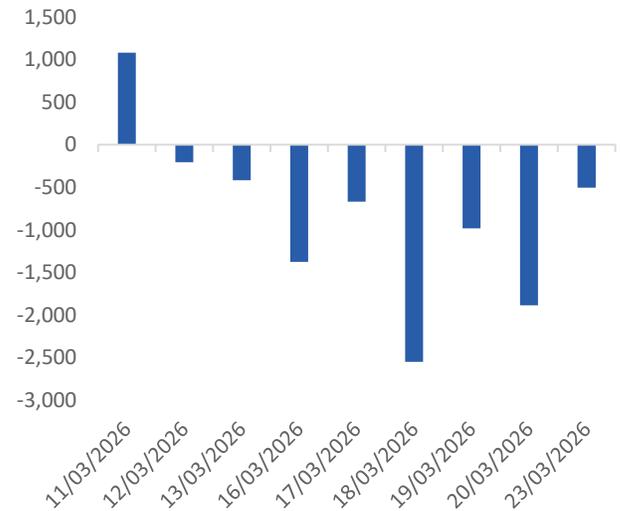
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NO1	6.51	-7.00%	0.00	0.17
GVR	28.60	-6.99%	-1.76	5.94
VPG	4.26	-6.99%	-0.01	0.30
VTP	82.60	-6.98%	-0.15	0.81
ANT	33.35	-6.97%	-0.01	0.08

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HEV	7.40	-9.76%	-0.01	0.00
VCC	11.30	-9.60%	-0.10	0.02
PPP	18.10	-9.50%	-0.06	0.00
CTP	4.80	-9.43%	-0.02	0.06
VMC	4.90	-9.26%	-0.05	0.04

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
MWG	Bán lẻ	74.2	-6.9%	1.2	108,957	1330.0	4,777	15.5	113,000	48.9%	Link
KBC	Bất động sản	27.1	-6.9%	1.3	25,474	184.5	2,450	11.0	46,000	10.6%	Link
KDH	Bất động sản	24.0	-5.9%	1.2	26,933	114.3	943	25.5	39,900	29.1%	Link
PDR	Bất động sản	14.5	-4.3%	1.4	14,468	151.1	531	27.3	28,200	6.6%	Link
VHM	Bất động sản	98.0	-2.0%	1.2	402,526	798.5	10,008	9.8	119,600	7.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	73.1	-2.0%	0.8	124,526	968.5	5,515	13.3	124,400	33.5%	Link
BSR	Dầu khí	26.1	-7.0%	0.0	130,691	696.0	1,036		23,200	2.0%	Link
PVS	Dầu khí	40.5	1.3%	1.4	20,713	263.1	3,560	11.4	52,300	15.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	19.1	-6.8%	1.3	20,627	472.6	1,454	13.1	-	34.0%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	25.4	-5.8%	1.3	63,274	1308.4	1,982	12.8	-	31.7%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	33.3	-6.9%	1.1	28,266	546.9	1,849	18.0	-	18.9%	Link
DCM	Hóa chất	44.3	1.6%	0.8	23,452	284.9	3,702	12.0	40,200	8.3%	Link
DGC	Hóa chất	51.7	-6.9%	1.2	19,635	382.5	7,965	6.5	109,300	7.3%	Link
ACB	Ngân hàng	22.5	-2.2%	0.9	115,575	392.3	3,042	7.4	27,100	27.4%	Link
CTG	Ngân hàng	32.5	-3.3%	1.1	252,426	432.7	4,454	7.3	53,500	25.3%	Link
HDB	Ngân hàng	24.3	-2.8%	1.1	121,628	1039.9	3,432	7.1	32,700	22.8%	Link
MBB	Ngân hàng	25.0	-3.7%	1.0	201,375	1002.0	3,325	7.5	33,000	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.0	-2.7%	0.9	34,164	75.3	1,804	6.1	14,000	29.1%	Link
STB	Ngân hàng	60.0	-5.4%	1.0	113,113	851.6	3,150	19.1	-	13.3%	Link
TCB	Ngân hàng	28.9	-3.2%	1.2	204,792	707.1	3,577	8.1	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	15.1	-4.4%	1.2	41,888	252.4	2,660	5.7	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	57.6	-0.7%	0.9	481,287	555.7	4,210	13.7	75,800	20.5%	Link
VIB	Ngân hàng	16.3	-3.0%	0.8	55,485	92.8	2,143	7.6	23,000	4.9%	Link
VPB	Ngân hàng	24.0	-4.2%	1.2	190,414	593.6	3,024	7.9	36,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.5	-1.5%	1.1	195,724	1140.1	2,013	12.7	32,200	22.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	13.9	-2.5%	1.2	8,601	63.3	1,012	13.7	15,700	3.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	22.0	-5.4%	1.0	8,467	99.8	3,915	5.6	28,800	1.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	70.8	-0.7%	1.2	102,371	754.5	2,710	26.1	98,300	23.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.8	1.3%	0.6	127,069	357.2	4,503	13.5	78,000	48.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.6	-3.33%	1.2	8,979	129.6	2,494	16.3	21.3%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	150.0	0.94%	0.8	25,545	155.4	4,667	32.1	32.6%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	75.1	-1.18%	1.0	55,748	34.0	3,996	18.8	27.3%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	12.8	-4.12%	1.2	10,194	183.6	990	12.9	2.6%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	13.1	-6.79%	1.3	14,517	266.8	229	57.1	20.1%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	16.3	-6.86%	1.4	3,256	50.7	2,559	6.4	1.4%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	28.2	-3.26%	1.2	10,433	111.8	1,907	14.8	19.3%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	42.4	-2.53%	1.7	16,091	252.5	5,090	8.3	14.3%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	26.4	-4.69%	1.2	12,807	103.4	1,805	14.6	41.1%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	54.9	-0.18%	1.0	13,292	20.5	5,601	9.8	2.7%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	27.1	-6.88%	1.2	4,869	25.8	1,916	14.1	4.9%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	15.0	0.34%	1.4	13,636	183.9	416	36.0	11.9%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	125.6	-6.96%	1.1	967,877	610.9	1,739	72.2	3.1%	9.4%	Link
VRE	Bất động sản	25.4	-3.06%	1.0	57,603	126.4	2,837	8.9	11.7%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	28.2	-4.90%	1.2	6,556	11.6	1,700	16.6	37.9%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	41.0	-4.21%	0.8	52,094	278.5	2,122	19.3	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	34.3	0.15%	0.8	19,067	249.2	1,866	18.4	11.6%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	24.0	-3.23%	1.2	8,299	45.3	1,161	20.6	24.7%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	22.1	-6.36%	1.6	14,747	133.6	1,883	11.7	0.4%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	80.5	-1.83%	0.9	194,242	245.7	4,730	17.0	2.2%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.7	-3.42%	1.1	38,962	252.3	827	15.4	2.9%	7.1%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.0	-3.56%	0.6	35,208	124.8	4,669	13.9	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	151.8	-3.50%	0.8	89,807	149.1	3,728	40.7	6.6%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	32.2	-6.95%	1.6	29,012	357.4	1,638	19.6	6.9%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72.0	-6.74%	1.0	30,708	175.8	3,986	18.1	41.7%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	49.7	-6.93%	1.0	9,236	148.6	6,760	7.4	5.7%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.3	-2.30%	0.6	9,986	246.4	2,210	9.6	13.3%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	82.6	-6.98%	1.0	10,059	67.8	3,325	24.8	4.8%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	106.3	-6.92%	1.2	36,264	266.8	8,350	12.7	48.9%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.5	-3.85%	0.9	2,515	30.6	2,402	9.4	48.4%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.7	-7.35%	1.6	2,922	46.0	3,163	7.2	22.0%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	28.7	-0.52%	0.8	19,514	246.2	1,579	18.2	5.9%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	28.6	-6.99%	1.4	114,400	172.5	1,406	20.3	0.8%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	21.3	-4.49%	1.2	39,583	339.0	610	34.8	3.4%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	41.2	0.12%	0.5	122,927	106.1	3,824	10.8	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	12.5	3.31%	0.5	21,446	28.7	2,438	5.1	1.2%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	10.7	-1.83%	0.7	28,495	31.7	1,506	7.1	19.6%	12.2%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.9	-6.55%	1.3	5,751	85.2	461	27.9	5.1%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	21.5	-6.94%	1.2	5,711	43.2	3,754	5.7	3.2%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.0	-2.86%	0.5	10,322	80.7	341	99.5	3.7%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.9	0.70%	0.5	55,022	33.9	3,449	12.4	58.4%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.9	-2.78%	1.1	12,547	40.4	6,073	9.2	20.4%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	121.2	-6.41%	0.6	9,922	46.8	15,010	8.1	82.6%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	78.6	-5.30%	1.1	8,371	55.6	7,388	10.6	49.0%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	78.9	-1.38%	1.2	9,025	45.8	5,243	15.1	5.3%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	39.0	-4.53%	1.2	4,625	20.8	3,178	12.3	19.0%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.3	-6.25%	1.1	6,156	123.3	1,211	9.3	10.7%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.4	-4.88%	1.0	10,426	169.5	2,553	9.9	16.0%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	20.8	-6.95%	0.9	13,414	395.5	6,084	3.4	3.9%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	42.1	-4.43%	1.4	18,853	51.8	3,130	13.4	2.6%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
2	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
3	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
4	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
5	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
6	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
8	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
9	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
10	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
12	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
15	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
17	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
18	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
19	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
20	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
21	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
22	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>